

Chi tiết mã HS 2104.10

|                     |                                                                                                                                                                             |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã HS               | 2104.10                                                                                                                                                                     |
| Mô tả hàng hóa      | Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết; chế phẩm thực phẩm tổng hợp đồng nhất / - Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết: |
| Đơn vị              |                                                                                                                                                                             |
| Thời điểm tạo       | 31/10/2026 23:16:43                                                                                                                                                         |
| Phiên bản dữ liệu   | 2026.04.05 - BIEU THUUE XNK 2026.04.05.xlsx                                                                                                                                 |
| Trạng thái xác minh | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.                                                            |
| Liên kết            | https://vietnamtariff.com/hs-code/210410/                                                                                                                                   |

4 dòng thuế thuộc 2104.10

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|-----|--------------------|
| 2104.10.11 | Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết; chế phẩm thực phẩm tổng hợp đồng nhất / - Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết: / - - Chứa thịt: / - - - Phù hợp dùng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ (SEN) | kg     | 60%                  | 40% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 2104.10.19 | Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết; chế phẩm thực phẩm tổng hợp đồng nhất / - Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết: / - - Chứa thịt: / - - - Loại khác                                       | kg     | 60%                  | 40% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 2104.10.91 | Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết; chế phẩm thực phẩm tổng hợp đồng nhất / - Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết: / - - Loại khác: / - - - Phù hợp dùng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ (SEN) | kg     | 60%                  | 40% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 2104.10.99 | Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết; chế phẩm thực phẩm tổng hợp đồng nhất / - Súp và nước xuyết (broths) và chế phẩm để làm súp và nước xuyết: / - - Loại khác: / - - - Loại khác                                       | kg     | 60%                  | 40% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.